

Phụ lục 7

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Danh mục dự án dự kiến khởi công mới năm 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030			Nhu cầu năm 2026 nguồn NSTW	Dự kiến Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
							NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh				
1	2	3	5	6	9	10	11	12	16	17	18				19
	TỔNG CỘNG					7,712,500	5,910,500	1,802,000	6,297,000	5,797,000	500,000	275,500	903,753	903,753	
A	Bố trí thực hiện các dự án có tính kết nối liên vùng, ven biển					2,800,000	1,500,000	1,300,000	1,500,000	1,500,000	-	-	300,000	300,000	
I	Dự án khởi công mới					2,800,000	1,500,000	1,300,000	1,500,000	1,500,000	0	0	300,000	300,000	
a	Lĩnh vực giao thông					2,800,000	1,500,000	1,300,000	1,500,000	1,500,000	0	0	300,000	300,000	
1	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn III (đoạn Km82 - Km125)	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Các phường: Trà Câu, Đức Phổ, Khánh Cường và Sa Huỳnh	2026-2029	2,800,000	1,500,000	1,300,000	1,500,000	1,500,000			300,000	300,000	
B	Ngân sách trung ương hỗ trợ theo ngành, lĩnh vực (phần tính điểm)					4,912,500	4,410,500	502,000	4,797,000	4,297,000	500,000	275,500	603,753	603,753	
II	Dự án khởi công mới					4,912,500	4,410,500	502,000	4,797,000	4,297,000	500,000	275,500	603,753	603,753	
a	Lĩnh vực giao thông					3,457,000	3,057,000	400,000	3,457,000	3,057,000	400,000	211,500	363,000	363,000	
1	Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km32 - Km89+513, Quốc lộ 24	Sở Xây dựng	B	Kon Plông, Ba Tơ	2026-2030	2,350,000	2,000,000	350,000	2,350,000	2,000,000	350,000	211,500	183,000	183,000	Tính kiến nghị TW nhiều lần
2	Cầu và đường ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), đoạn qua đập Thạch Nham	Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh	B	Xã: Trà Giang, Trường Giang, Sơn Hạ	2026-2029	350,000	300,000	50,000	350,000	300,000	50,000		80,000	80,000	
3	Đường trung tâm phía Đông xã Bờ Y	UBND xã Bờ Y	B	Xã Bờ Y	2026-2029	368,000	368,000		368,000	368,000			50,000	50,000	Hoàn thiện hạ tầng ở khu vực, phù hợp với Quy hoạch tỉnh
4	Sửa chữa nâng đường huyện DH85 từ ngã ba Đăk Môn đến Đồn biên phòng Đăk Long 673 tỉnh Quảng Ngãi	UBND xã Đăk Long	B	Xã Đăk Môn, Xã Đăk Long	2026-2030	389,000	389,000		389,000	389,000			50,000	50,000	Tính Kon Tum cũ kiến nghị TW nhiều lần
b	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					520,000	500,000	20,000	520,000	500,000	20,000	0	100,000	100,000	
5	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp Cảng cá Cỏ Lũy thuộc xã An Phú (giai đoạn 2)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	Xã An Phú	2026 - 2030	220,000	200,000	20,000	220,000	200,000	20,000		40,000	40,000	
6	Dự án Hồ chứa nước Đăk PoKei (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD các công trình NN & PTNT tỉnh	B	Tỉnh Quảng Ngãi	2026-2030	300,000	300,000		300,000	300,000			60,000	60,000	Đảm bảo đồng bộ với giai đoạn 1 đã đầu tư nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của dự án
c	Lĩnh vực y tế					300,000	270,000	30,000	300,000	270,000	30,000	63,000	63,000	63,000	

TT	TÊN DỰ ÁN	Đơn vị đề xuất	Nhóm dự án (Luật sửa đổi)	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Khái toán tổng mức đầu tư			Nhu cầu kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030			Nhu cầu năm 2026 nguồn NSTW	Dự kiến Kế hoạch năm 2026		Ghi chú
						Tổng mức đầu tư	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
							NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh				
7	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh (hạng mục: mở rộng bệnh viện Sản - Nhi; nâng cấp, cải tạo một số khoa, phòng, Sửa Cải tạo hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ)	Sở Y tế; BQLDA ĐTXD các công trình DD&CN tỉnh	B	Phường Nghĩa Lộ	2026-2029	300,000	270,000	30,000	300,000	270,000	30,000	63,000	63,000	63,000	
d	Lĩnh vực văn hóa, Thể thao và Du lịch					120,000	120,000	0	120,000	120,000	0	0	30,000	30,000	
8	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi các thắng cảnh trên địa bàn xã Măng Đen	Xã Măng Đen	B	Xã Măng Đen	2026-2030	120,000	120,000		120,000	120,000			30,000	30,000	Phục vụ phát triển du lịch theo QH chung xây dựng KLD sinh thái Măng Đen
e	Hạ tầng khu công nghiệp và khu kinh tế					202,000	150,000	52,000	200,000	150,000	50,000	0	46,753	46,753	
9	Xây dựng hệ thống hạ tầng thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung khu vực phía Tây và phía Đông sông Trà Bồng Khu kinh tế Dung Quất	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	B	Xã Bình Sơn	2026-2029	202,000	150,000	52,000	200,000	150,000	50,000		46,753	46,753	
g	Cấp nước, thoát nước					313,500	313,500	0	200,000	200,000	0	1,000	1,000	1,000	
10	Chống ngập úng khu trung tâm thành phố KonTum (cũ)	UBND phường Kon Tum	B	Phường Kon Tum	2026-2030	313,500	313,500		200,000	200,000		1000	1000	1000	Giải quyết nhu cầu cấp bách; cử tri kiến nghị nhiều lần